

Hỗ trợ phát triển chính thức của New Zealand cho Việt Nam

Nguyễn Thị Kim Chi *

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của New Zealand cho Việt Nam trên các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, phát triển nông nghiệp và nông thôn, quản lý rủi ro thiên tai. Mặc dù có sự gia tăng qua các năm, song ODA của New Zealand cho Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của cả hai bên.

Từ khóa: New Zealand; hỗ trợ phát triển chính thức; Việt Nam.

1. Mở đầu

New Zealand đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam năm 1975. Từ đó đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác song phương giữa Việt Nam và New Zealand đã và đang phát triển tốt đẹp trong nhiều lĩnh vực, nhất là từ sau khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác toàn diện năm 2009. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng từ 300 triệu USD năm 2009 lên hơn 900 triệu USD năm 2014 và vượt mốc 1 tỷ USD năm 2015. New Zealand hiện có 25 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 82 triệu USD, đứng thứ 43/101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. New Zealand cũng là một trong những nước cung cấp ODA cho Việt Nam từ rất sớm với khoảng 8 triệu USD/năm trong những năm gần đây.

Tiến trình cải cách và hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam đang mở ra nhiều cơ hội lớn cho các nhà đầu tư New Zealand tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam ủng hộ và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp New Zealand đầu tư vào những lĩnh vực New

Zealand có thế mạnh như nông nghiệp, khai khoáng, viễn thông, giáo dục và đào tạo, phát triển kết cấu hạ tầng, đồng thời tăng cường thu hút vốn hỗ trợ phát triển chính thức của New Zealand cho Việt Nam.

2. Thực trạng ODA của New Zealand cho Việt Nam

New Zealand bắt đầu cấp ODA cho Việt Nam từ năm 1995 với tổng vốn tăng dần đều qua các năm: 2,1 triệu USD năm 2003 - 2004, 2,5 triệu USD năm 2004 - 2005, 3,17 triệu USD năm 2005 - 2006, 4,9 triệu USD năm 2006 - 2007, 7 triệu USD năm 2007 - 2008, 7,3 triệu USD năm 2009 - 2010, 7,5 triệu USD năm 2010 - 2011 và 8 triệu USD năm 2012 - 2013, hơn 8 triệu USD năm 2013 - 2014. Riêng năm 2013, 100% số ODA của New Zealand cho Việt Nam là không hoàn lại và trong vòng 3 năm tiếp theo, tính từ năm tài khóa 2015 - 2016, ODA của New Zealand sẽ tiếp tục tăng lên khoảng 85 triệu USD.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. ĐT: 01689961486.
Email: kimchidkt36@gmail.com.

ODA của New Zealand chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực, như: giáo dục và đào tạo, phát triển nông nghiệp và nông thôn, quản lý rủi ro thiên tai.

Giai đoạn 2002 - 2006, Việt Nam đứng trong top 20 nước nhận hỗ trợ từ New Zealand và đứng thứ 16 trong danh sách hỗ trợ của New Zealand với trung bình mỗi năm tiếp nhận 3 triệu USD, chiếm 2% trong cơ cấu hỗ trợ của nước này. Giai đoạn 2007 - 2008, New Zealand đã đầu tư và hỗ trợ cho Việt Nam nhiều hơn, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 8 trong danh sách hỗ trợ của New Zealand với lượng ODA tiếp nhận trung bình hàng năm là 7 triệu USD, chiếm 3% trong cơ cấu hỗ trợ ODA của New Zealand. Điều này cho thấy vị trí của Việt Nam trong chính sách ODA của New Zealand ngày càng tăng lên cùng với quan hệ hợp tác song phương giữa New Zealand và Việt Nam đang phát triển theo chiều hướng tích cực khi hai nước có nhiều các cuộc hội kiến, gặp mặt cấp cao hơn. New Zealand cũng cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ ODA cho kế hoạch phát triển của Việt Nam dựa trên những thế mạnh mà New Zealand đang có.

Với sự hỗ trợ vốn ODA từ New Zealand, Việt Nam đã và đang mở rộng các dự án trên địa bàn cả nước. Hiện đang có 25 dự án được triển khai với tổng số vốn đăng ký lên tới 82 triệu USD, trong đó nhiều dự án nông nghiệp và giáo dục đã đạt được những thành quả nhất định, tạo ra nhiều cơ hội mới cho công dân hai nước.

2.1. Hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững

Chương trình hỗ trợ của New Zealand dành cho Việt Nam trong lĩnh vực phát triển kinh tế bền vững tập trung vào nông nghiệp và cải cách quản lý đất đai.

Hỗ trợ của New Zealand trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam tập trung vào phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi nhằm mang lại lợi ích cho nông dân, xây dựng năng lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa trên bài học thực tiễn, kinh nghiệm cũng như chuyên môn mới và tốt nhất của New Zealand.

Từ năm 2009, New Zealand đã thực hiện một chương trình dự án hỗ trợ trị giá 2,1 triệu USD tại tỉnh Bình Định nhằm mục đích kết nối hộ nông dân nghèo với thị trường và xây dựng năng lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tập trung vào sản xuất rau an toàn, chăn nuôi, và chế biến các sản phẩm dừa. Dự án đã bắt đầu đạt được kết quả khích lệ trong việc tăng thu nhập cho nông dân. Hiện nay hỗ trợ của New Zealand tập trung vào tăng cường tính cạnh tranh cho ngành nông nghiệp Bình Định và đảm bảo tính bền vững của dự án thông qua sử dụng các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật từ New Zealand và tăng cường kết nối với thị trường thông qua hỗ trợ hợp tác xã rau an toàn, thiết lập quan hệ đối tác công tư với mạng lưới chuỗi siêu thị lớn.

Tháng 01/2013, New Zealand đã bắt đầu thực hiện dự án trị giá 4 triệu USD, trong đó Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm của New Zealand sẽ phối hợp với các Viện nghiên cứu nông nghiệp của Việt Nam nhằm tạo ra các giống thanh long mới, giá trị cao và xây dựng mô hình sản xuất, thu hoạch, tiếp thị hiệu quả nhất. Dự án sẽ đúc rút các kỹ thuật và kinh nghiệm tốt nhất của New Zealand đã được sử dụng để xây dựng và tiếp thị các giống hoa quả mới, như: kiwi vàng, táo Jazz. Mục tiêu của dự án nhằm tăng đáng kể mức thu nhập của nông dân

nghèo tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, ở những vùng có tròng thanh long và tạo ra một mô hình hiệu quả góp phần vào quá trình xây dựng và thay đổi chính sách trong ngành nông nghiệp, tập trung vào phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh doanh nông nghiệp, kiểm soát quy trình chất lượng và an toàn thực phẩm hiệu quả, đảm bảo nông dân được thuê đất nông nghiệp lâu dài và lựa chọn lĩnh vực sản xuất dựa trên giá trị thị trường.

Quỹ Đối tác dành cho phát triển của New Zealand đang tài trợ cho ba dự án tại Việt Nam. ChildFund New Zealand tài trợ 1,4 triệu USD để thực hiện hai dự án tại Cao Bằng (tập trung vào cải thiện sinh kế và nhu cầu tối thiểu cho các cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo), Cơ quan cứu trợ và Phát triển Cơ đốc Phục lâm (ADRA) New Zealand tài trợ 0,4 triệu USD để thực hiện một dự án tập trung vào nâng cao sinh kế cho nông dân nghèo thông qua hoạt động chăn nuôi.

New Zealand cũng hỗ trợ một dự án nhỏ tại tỉnh Hà Nam, tập trung hỗ trợ phụ nữ nghèo trồng rau hữu cơ để cung cấp cho một chuỗi cửa hàng tại Hà Nội.

New Zealand đang hỗ trợ 4,5 triệu USD cho một dự án vốn vay của Ngân hàng Thế giới tài trợ dành cho Chính phủ Việt Nam (trị giá 100 triệu USD) nhằm cải cách quản lý đất đai tại 09 tỉnh của Việt Nam. Hỗ trợ của New Zealand tập trung vào tăng cường nhận thức về quyền sử dụng đất và giá trị của sổ đỏ, cải thiện năng lực cán bộ trong lĩnh vực quản lý đất đai, nâng cao nhận thức cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý đất đai và các nhóm dân tộc thiểu số. Cùng với thực hiện chương

trình hỗ trợ này, dựa trên các kinh nghiệm sẵn có của mình, New Zealand cũng tham gia hỗ trợ Việt Nam trong quá trình sửa đổi Luật Đất đai. Thông điệp chính của New Zealand trong việc hỗ trợ này là khẳng định tầm quan trọng của việc kéo dài thời hạn cho thuê đất nông nghiệp nhằm giúp người dân yên tâm đầu tư, đảm bảo cho người dân có nhiều lựa chọn hơn trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường tính minh bạch và đền bù theo giá thị trường khi Chính phủ thu hồi đất.

2.2. Hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo

Hợp tác giáo dục và đào tạo cũng là một điểm sáng trong quan hệ hai nước với gần 2.000 sinh viên Việt Nam đang theo học tại New Zealand. Tiềm năng hợp tác giữa Việt Nam và New Zealand còn rất lớn bởi nền kinh tế của hai nước có nhiều lợi thế bổ sung lẫn nhau. Trong những năm qua, New Zealand đã có nhiều chương trình đóng góp cho phát triển nguồn nhân lực Việt Nam như:

- Học bổng New Zealand - ASEAN là một chương trình học bổng vùng dành cho bậc cao học, trong đó tập trung vào các khóa học thuộc lĩnh vực phù hợp với New Zealand và ASEAN. Việt Nam được phân bổ 30 suất học bổng/một năm.

- Chương trình Bồi dưỡng Tiếng Anh cho cán bộ Chính phủ (ELTO) nhằm nâng cao khả năng tiếng Anh cho cán bộ Chính phủ của Campuchia, Lào, Mông Cổ, Myanmar, Đông Timor và Việt Nam. Chương trình ELTO được tổ chức 2 khóa/một năm cho tối đa 34 cán bộ. Các cán bộ được lựa chọn sẽ đến New Zealand học tiếng Anh trong vòng 22 tuần, mỗi khóa sẽ tập trung vào một chủ đề riêng biệt.

- Sau chương trình thí điểm thành công vào năm 2011, Chương trình Bồi dưỡng Tiếng Anh dành cho quan chức cấp cao đã trở thành một hoạt động thường niên. Mỗi năm sẽ có 17 quan chức cấp cao từ Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam đến New Zealand tham gia khóa học tiếng Anh kéo dài 8 tuần. Ngoài mục đích học Tiếng Anh, chương trình cũng hy vọng rằng các quan chức cấp cao sẽ có cơ hội xây dựng những mối quan hệ lâu dài với cơ quan đối tác và người dân New Zealand.

- Trong năm 2012, New Zealand đã bắt đầu triển khai một dự án có tổng kinh phí 5 triệu USD trong vòng 5 năm về phát triển trẻ thơ tại tỉnh Gia Lai thuộc vùng Tây Nguyên. Tổ chức Plan International và Sở Giáo dục và Đào tạo là các đối tác thực hiện của dự án với trọng tâm nhằm tạo cơ hội cho trẻ em ở bậc mầm non và tiểu học (đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số) đạt được mức độ phù hợp về giáo dục mầm non và phát triển của trẻ nhằm giúp các em thành công trên bước đường sau này. Dự án sẽ dựa vào kinh nghiệm của New Zealand về giáo dục mầm non và hỗ trợ cách tiếp cận giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và phù hợp về văn hóa, trong đó bao gồm việc xây dựng trường thân thiện với trẻ và thúc đẩy giáo dục song ngữ và tiếng mẹ đẻ.

- Trong năm 2012, New Zealand đã tài trợ 140.000 USD để xây dựng và triển khai chương trình liên kết Thạc sĩ về Quan hệ Quốc tế giữa trường Đại học Victoria ở Wellington và Học viện Ngoại giao của Việt Nam.

- Trong khuôn khổ Sáng kiến dành cho Lãnh đạo Doanh nghiệp trẻ của ASEAN, các lãnh đạo doanh nghiệp trẻ của Việt Nam làm

việc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng xanh, nông nghiệp và hệ thống siêu thị bán lẻ đã thăm New Zealand trong năm 2012 nhằm nâng cao năng lực và xây dựng mối liên kết với các doanh nghiệp New Zealand.

2.3. Hỗ trợ quản lý rủi ro thiên tai

Trong lĩnh vực này, New Zealand cam kết phát triển công nghệ sạch, quản lý môi trường và rủi ro thiên tai, như:

- Việt Nam và New Zealand tiếp tục thực hiện bản ghi nhớ về hợp tác khoa học và kỹ thuật ký tháng 01/2010.

- New Zealand có tiềm năng về công nghệ và chuyên môn để hỗ trợ Việt Nam đối phó những thách thức môi trường đang phải đối mặt trong các lĩnh vực như xử lý nước thải, năng lượng tái tạo và cải tạo môi trường. Việt Nam và New Zealand sẽ ưu tiên tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này thông qua thương mại, đầu tư và các liên kết kinh doanh khác.

- Hai bên sẽ tích cực khuyến khích trao đổi công nghệ sạch/quản lý môi trường và trao đổi các đoàn doanh nghiệp hai nước.

- Quản lý rủi ro thiên tai tiếp tục là trọng tâm của chương trình hỗ trợ của New Zealand đối với Việt Nam và các nước trong khu vực. Hai bên sẽ tìm phương thức triển khai kết quả các dự án nằm trong chương trình hỗ trợ New Zealand về an toàn đập và thích ứng với biến đổi khí hậu khi các dự án này kết thúc.

- New Zealand sẽ tích cực phối hợp với Việt Nam và các bên quan tâm khác nhằm hỗ trợ Việt Nam cải cách trợ cấp về sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

- Việt Nam và New Zealand sẽ tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ công ước chung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu.

- Hai nước cũng sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ vai trò thành viên của Liên minh nghiên cứu toàn cầu về khí nhà kính nông nghiệp.

New Zealand cũng hỗ trợ Việt Nam qua các hoạt động đa phương về quản lý rủi ro thiên tai khu vực ASEAN. Hội nghị Đối tác Hiệp định ASEAN về Quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp (AADMER) tại Đà Nẵng (27-29/11/2013) với sự tham gia của nhiều đối tác khác như Mỹ, Australia, Nhật Bản, Canada và một số tổ chức quốc tế khác khẳng định ủng hộ các nỗ lực của ASEAN trong tăng cường quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp.

Trong việc ứng phó với rủi ro thiên tai, New Zealand và Việt Nam cùng thực hiện một số dự án sau:

- Dự án Cải thiện sinh kế nhằm nâng cao khả năng ứng phó thiên tai dựa vào cộng đồng. Thời gian thực hiện dự án: 4 năm (2013 - 2017). Dự án được triển khai tại các địa bàn có tỷ lệ nghèo tương đối cao với nguy cơ rủi ro thiên tai lớn mà chưa có cơ chế ứng phó tại tỉnh Vĩnh Long. Dự án được hỗ trợ bởi Bộ Ngoại giao và Thương mại New Zealand và ADRA Việt Nam. Giá trị dự án: 450.000 USD.

- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại tỉnh Bến Tre. Thời gian thực hiện dự án: 5 năm (2012 - 2017). Dự án này hiện đang được Oxfam thực hiện và tập trung vào việc nâng cao khả năng phục hồi và thích ứng với rủi ro thiên tai và khí hậu cho người nghèo, đặc biệt là cho phụ nữ và chính quyền địa phương ở những cộng đồng ven biển vùng sông Mê Kông ở Việt Nam. Giá trị dự án: 3,8 triệu USD.

- Dự án về xây dựng và thí điểm một mô hình về quản lý đập và rủi ro dựa vào

kinh nghiệm mà khối tư nhân và nhà nước thu thập được từ những thực tiễn tốt nhất ở New Zealand để nhân rộng ở Việt Nam. Dự án này được thực hiện theo mô hình đối tác chiến lược giữa Viện nghiên cứu GNS và công ty Damwatch của New Zealand và Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội. Giá trị dự án là 3,5 triệu USD.

3. Đánh giá ODA của New Zealand cho Việt Nam

3.1. Những thành tựu

Thông qua các chương trình hỗ trợ của mình, Chính phủ New Zealand đã giúp Việt Nam tận dụng tối đa những cơ hội có được từ hội nhập kinh tế quốc tế. Qua các dự án trên nhiều lĩnh vực giao thông, nước sạch và y tế, New Zealand đã giúp cải thiện đời sống của hàng triệu người dân Việt Nam. Bằng các dự án phát triển nông nghiệp nông thôn, vốn ODA không hoàn lại của New Zealand đã góp phần tạo ra động lực thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.

Về phát triển nguồn nhân lực, New Zealand không chỉ tạo điều kiện cho các sinh viên Việt Nam học hỏi những kiến thức bổ ích ở New Zealand, góp phần bồi dưỡng, nâng cao kiến thức để phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước, mà còn đóng góp quan trọng cho quá trình xóa mù chữ ở một số huyện vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, năm 2011 New Zealand đã khởi động chương trình học bổng mới giành cho khu vực (gọi là chương trình học bổng New Zealand - ASEAN) và năm 2012 đã giành 30 suất học bổng cho 30 ứng viên xuất sắc của Việt Nam theo học tại New Zealand và theo đó, hằng năm New Zealand đều cấp những suất học bổng có giá trị cho sinh viên Việt Nam. Việt Nam đứng thứ 9 trong

nhóm các nước có nhiều sinh viên du học tại New Zealand. Các mối quan hệ đối tác chiến lược giữa các trường đại học hàng đầu của New Zealand và Việt Nam tiếp tục phát triển.

Các dự án quản lý rủi ro thiên tai và dự án bảo vệ môi trường sinh thái đã góp phần rất lớn trong công cuộc phòng chống thiên tai của Việt Nam. New Zealand đã hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả thiên tai hai lần trong năm 2009 (tháng 9 và tháng 11) thông qua Hội Chữ thập đỏ với tổng giá trị đạt 370.000 USD.

Các cuộc viếng thăm, các cuộc trao đổi giữa và những chuyến công tác của các phái đoàn New Zealand sang Việt Nam đã để lại cho Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm trong việc quản lý và xây dựng hệ thống quản lý cấp nhà nước, cấp địa phương.

Hai bên cũng đã xây dựng các cam kết hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực. New Zealand cam kết sẽ tiếp tục viện trợ ODA cho Việt Nam trong thời gian tới.

3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù ODA của New Zealand cho Việt Nam tăng đều qua các năm, song vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của cả hai bên:

Thứ nhất, còn nhiều hạn chế trong cơ chế chính sách và bộ máy quản lý. Hầu hết các nhà tài trợ đều cho rằng việc quy hoạch ODA của Việt Nam còn chưa tốt, thiếu đồng bộ, chính điều này làm giảm tính chủ động trong việc chuẩn bị trước dự án. Ngoài ra, những ách tắc về quy trình và thủ tục ODA trong nước, về cơ chế tài chính, sự phối hợp thiếu thống nhất giữa các cơ quan quản lý cũng thường xuyên gây cản trở cho các dự án.

Thứ hai, tốc độ giải ngân của Việt Nam còn quá chậm. Khâu chuẩn bị đề án tiền khả thi và khả thi, thiết kế thậm chí là thi công, cơ chế chính sách còn chưa hoàn chỉnh, thủ tục phải qua nhiều khâu, nhiều cấp làm chậm tiến độ phê duyệt dự án. Ngoài ra, việc thiếu hụt vốn đối ứng cũng làm giảm sút hiệu quả của các dự án.

Thứ ba, trình độ đội ngũ cán bộ Việt Nam làm việc trong lĩnh vực ODA chưa đáp ứng được yêu cầu. Không ít cán bộ chưa thực sự hiểu về lĩnh vực mà mình quản lý, nhiều khi còn thiếu cả về kiến thức lẫn kinh nghiệm cũng như phương tiện làm việc và giao tiếp. Nhiều cơ quan hành chính ở các cấp chưa hiểu rõ về đặc điểm, tính chất, mục đích của ODA.

Thứ tư, tính minh bạch và công khai của Việt Nam còn thấp và chưa thể hiện được tính rõ ràng, hệ thống trong sử dụng ODA. Đôi khi việc sử dụng nguồn vốn còn mập mờ kèm theo các tệ nạn như hối lộ, tham nhũng. Những điểm này đều gây mất lòng tin đối với các nhà tài trợ và nếu không có biện pháp xác đáng sẽ có thể dẫn tới việc nguồn hỗ trợ bị cắt giảm hoặc ngừng cung cấp.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, song chủ yếu là:

Thứ nhất, cơ chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA của Việt Nam còn chông chéo, rườm rà dẫn tới tình trạng chậm trễ trong việc thành lập các Ban Quản lý dự án.

Thứ hai, việc quy định trách nhiệm của từng Bộ, ngành, chủ dự án trong từng khâu chưa được rõ ràng, chặt chẽ, gây ra sự trùng chéo các chức năng. Đồng thời, từng Bộ, ngành liên quan chưa thấy được đầy đủ và cũng chưa làm được hết trách nhiệm của

mình nên các dự án ODA bị chững lại so với kế hoạch.

Thứ ba, các cơ quan quản lý chưa thực hiện đúng chu trình dự án, năng lực quản lý thấp và lỏng lẻo, chưa đảm bảo đúng chế độ tài chính. Thêm nữa là không ít người nhầm lẫn hay cố tình hiểu sai về ODA, coi như đây là quà biếu, tặng làm cho việc sử dụng rất lãng phí và tùy tiện; đôi khi ODA còn được dùng để mưu cầu lợi ích riêng trong khi thực tế thì phần lớn ODA đều là các khoản vay ưu đãi và các khoản hỗ trợ không hoàn lại chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số vốn. Chính điều này đã biến ODA thành mảnh đất màu mỡ cho nhiều loại tham nhũng lớn nhỏ và kéo theo là sự che đậy, bưng bít làm giảm tính minh bạch, công khai trong sử dụng vốn ODA.

Thứ tư, chưa có quy hoạch ODA sát với tình hình kinh tế - xã hội và mục tiêu phát triển của từng vùng miền, chưa xác định được lĩnh vực trọng tâm trong từng giai đoạn cụ thể. Các địa phương còn thiếu chủ động trong hoạch định kế hoạch và biện pháp thu hút và quản lý ODA trong khi năng lực của cán bộ ODA chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ năm, khó khăn do khác biệt trong nhiều mặt như ngôn ngữ, tập quán, tác phong công việc, các quy định về thủ tục hay trình độ kỹ thuật... làm mất thời gian thực hiện dự án.

Quy định về điều kiện tài trợ của nhà tài trợ rất đa dạng, đôi khi là phức tạp; quy trình thực hiện dự án của các nước và các tổ chức quốc tế nói chung và New Zealand nói riêng và quy trình của Việt Nam có những điểm chưa phù hợp với nhau.

4. Kết luận

Việt Nam và New Zealand cùng tham

gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand (AANZFTA), Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Hai nước đang đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (RCEP). Tiềm năng quan hệ kinh tế giữa hai nước còn rất lớn. Hơn nữa, vì vốn không hoàn lại chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng vốn ODA nên New Zealand là nhà tài trợ mà Việt Nam cần tiếp tục quan tâm thu hút ODA trong thời gian tới, khi mà các điều kiện vay ODA của các nhà tài trợ song phương và đa phương khác ngày càng trở nên ngặt nghèo hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Ngoại giao và Thông tấn xã Việt Nam (2007), "*New Zealand (Newzealand)*", *Tạp chí Cộng sản*.
- [2] Bộ Ngoại giao Việt Nam (2009), *Thông tin cơ bản về Niu Di-lân và quan hệ Việt Nam - Niu Di-lân*, Hà Nội.
- [3] Bộ Ngoại giao (2013), *Thông báo về điều ước Quốc tế có hiệu lực Chương trình hành động Việt Nam - Niu Di-lân 2013-2016*, Hà Nội.
- [4] Vũ Văn Chung (2011), *Phân tích thực trạng và hiệu quả sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Cao Việt Sinh & Subinay Nandy (2006), *Cơ sở dữ liệu về viện trợ phát triển (DAD Việt Nam) - Kết quả hiện tại và chặng đường tương lai*, Hà Nội.
- [6] Joanna Spratt and Terence Wood (2013), *Summary Show Me the Money: New Zealand Government Aid in Numbers*.

